

PHONG TỤC CƯỚI XIN Ở NGƯỜI VE TỈNH QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

NGUYỄN VĂN MINH

Người Ve ở Việt Nam hiện có khoảng 1700 người¹ sống tập trung tại vùng giáp ranh giữa biên giới Việt Nam - Lào thuộc hai xã Đák Pree và Đák Pring, huyện Giăng, Quảng Nam - Đà Nẵng. Địa vực cư trú lâu đời của người Ve ở vùng núi Con Cơ nêng, huyện Đák Chung, tỉnh Tavenok, Lào và hiện nay họ vẫn nhớ rõ cội nguồn và duy trì mối quan hệ huyết thống, hôn nhân với những người đồng tộc ở nơi quê cũ.

Theo danh mục xác minh thành phần dân tộc năm 1979 của Tổng cục thống kê, người Ve được coi là một nhóm địa phương của dân tộc Gié-Triêng².

Từ trước tới nay người Ve ít được các nhà khoa học viết đến trong sách, báo. Duy chỉ có một bài báo giới thiệu sơ lược về người Ve đăng trong tạp chí Dân tộc học số 3 năm 1978³. Do đó, bài báo này sẽ nhằm góp thêm sự hiểu biết của chúng ta về người Ve nói chung, đặc biệt là về những phong tục cưới xin của người Ve nói riêng.

Như nhiều dân tộc khác ở vùng Trường Sơn Tây Nguyên, trước đây nam, nữ Ve đến tuổi trưởng thành đều phải trải qua tục xâu tai và cửa răng.

Tục xâu tai (*chốt pát*), được tiến hành riêng trong từng gia đình, khi các em còn nhỏ, chậm nhất cũng trước 12, 13 tuổi.

Tục cửa răng (*kít nãng*), là tục quan trọng trong đời người, và được đồng bào tổ chức linh đình hơn cả tết cổ truyền. Đây chính là lễ thành đinh nguyên thủy để chuyển từ

giai đoạn trẻ em trở thành người lớn, trưởng thành mới được lấy vợ lấy chồng. Nam, nữ từ 14 tuổi trở lên, sau khi đã xâu tai mới được cửa răng. Ba năm làng tổ chức một lần vào tháng hai (*ngây bar*) âm lịch. Mỗi gia đình có người cửa răng phải đem ra nhà *âng* (nhà chung của làng) một con trâu, hoặc một con heo to, một ché rượu, một ang gạo (tương đương 7 kg) để làm lễ tế thần, liên hoan và đãi khách. Còn dân làng ai có gì góp nấy, thêm vào để cùng ăn uống vui chơi. Do đó, có người vì nhà nghèo đến 20 tuổi vẫn chưa cửa được răng.

Trước ngày làm lễ cửa răng, những người bị cửa răng mặc bộ trang phục đẹp nhất, tóc búi gọn ra sau, tập trung tại nhà *âng*. Chủ làng dẫn họ đi ra bãi cát ven suối, bên ngoài làng. Khi đi, họ mang theo cả chiêng, trống, kèn, vũ khí... vừa đi vừa vui chơi, ngắt hoa lá kết thành những vòng hoa đeo vào cổ cho nhau. Đi cùng là những người sẽ cửa răng cho họ, cứ một người bị cửa sẽ có hai người cửa, một nam, một nữ, họ đi theo thứ tự nam trước nữ sau. Đến nơi đã định họ tổ chức vui chơi qua đêm, sáng hôm sau mới quay về nhà *âng*. Dân làng góp sức dựng sẵn các cột đâm trâu để cột những con trâu chuẩn bị hiến sinh. Những người đi về sẽ cùng nhau nhảy múa theo điệu *chol* và hát theo nhịp chiêng xung quanh các cột đâm trâu. Trước khi cửa răng, chủ làng tiến hành nghi lễ cầu xin thần linh (*ziang*), ma quỷ (*cmốt*) phù hộ cho những người cửa răng ít bị ra máu, răng cửa đỡ đau và không bị nhiễm bệnh do cửa. Tại nhà *âng*, ở trên vách phía trong có để các đầu thú mà dân làng đã săn được, là nơi chủ làng làm lễ cúng thần. Sau lễ cúng mọi người ăn uống và bắt đầu cửa răng.

Những người bị cửa nằm trên bãi đất trống giữa làng, cạnh nhà *âng*, có các bạn bè đứng xung quanh che nắng và động viên. Một phụ nữ giúp bóp miệng người bị cửa cho há ra và giữ chặt không cho giạt lác để khô cửa vào lưỡi hay môi. Người đàn ông lấy hòn đá mài mỏng, cửa từng chiếc cho đứt hẳn

sáu cái hàm trên và sáu cái hàm dưới của răng cửa. Trong lúc đó dân làng vẫn tiếp tục ăn uống, vui chơi xung quanh các cột đâm trâu và trên nhà *âng*.

Cửa xong, người bị cửa được lau khô máu, xúc miệng bằng nước ấm rồi lấy quả chuối non nướng lên, chẻ đôi đắp lên chỗ răng mới cửa để cầm máu và mau lành vết thương. Sau đó họ lấy vỏ cây *loong don* đốt lấy nhựa, miết vào chỗ răng mới cửa cho chắc và đen răng. Trong khi cửa chủ làng đi kiểm tra từng người xem đã cửa dứt hết và đủ chưa, rồi mới được đưa lên nhà *âng* nằm nghỉ. Người bị cửa răng được chăm sóc cho tới khi lành hẳn, ăn uống bình thường mới được về nhà. Những ngày nằm nghỉ ở nhà *âng*, làng cử người phụ nữ đã tham gia cửa răng trực tiếp chăm sóc việc ăn uống, lấy vải hơi nóng để xoa bóp, chườm lên vùng miệng cho đỡ đau, không bị tụ máu. Người bị cửa răng được ăn các đồ nấu mặn: cá kho, rau cải muối... và ớt để mau lành vết thương.

Ngày cửa răng là ngày cử của làng, không cho người ngoài làng vào vì quan niệm, có người lạ vào, những người bị cửa sẽ ra nhiều máu, ốm đau... Do đó, dù có bà con anh em làng khác đến trong lúc cửa răng cũng phải ở lại ngoài rừng, ngày hôm sau mới được vào làng. Để báo hiệu trong làng có lễ cửa răng và đang cử, trước đó ba ngày dân làng đã đánh chiêng trống báo hiệu. Nếu ai không biết mà vi phạm, sẽ bị phạt một con heo để chủ làng lấy máu miết lên các cột nhà *âng* tế thần làng (ziang Robút). Tiếng chiêng trống báo hiệu cho người lạ không vào làng khi có cửa răng, nhưng cũng là lời mời dân các làng bên cạnh sau khi hết cử, đến dự tiệc cùng dân làng.

Khi hoàn tất việc cửa răng, ngày hôm sau dân làng tổ chức đâm trâu, giết heo do các gia đình đã góp. Lúc này người ngoài làng mới được vào dự. Trâu nhà nào, nhà đó đâm một nhát tượng trưng trước, sau đó cả làng vào giúp sức. Tất cả trâu hiến tế được đâm cùng lúc. Theo phong tục cổ truyền, trước khi đâm trâu, dân làng lấy

mía, cây chuối buộc ở cột đâm trâu cho trâu ăn, và nhảy múa xung quanh, vừa nhảy múa, vừa lấy tấm mền, tấm tút khoác trên người mình hươ trước mặt trâu. Khi trâu bị đâm chết, họ dùng tấm mền, tấm tút đắp cho trâu và cầu xin thần linh ban cho dân làng khỏe mạnh, làm ăn phát đạt, đừng trừng phạt bắt dân làng đói khổ. Chủ làng lấy nhựa cây *ky ly* - là loại nhựa đốt có mùi thơm, đem đốt trên cái chôn bát và cầu xin thần linh, mà quí phù hộ cho dân làng. Xong nghi lễ này mới được mổ trâu, heo. Gia đình có con vật đóng góp làm lễ sẽ được giữ lại một cái đùi sau, một dải thịt thần của chính con vật đã hiến tế của mình, còn lại giao cho làng. Số thịt đó làng sẽ chia đều cho tất cả các thành viên của làng, mỗi người ba miếng thịt và một miếng lòng, còn lại để cả làng liên hoan và đãi khách tại nhà *âng*. Khách ra về, nếu ở xa, dân làng biếu cơm, thịt để ăn đường. Trong dịp này dân làng nghỉ sản xuất để chuẩn bị và vui chơi.

Xâu tai và cửa răng là những tập tục có từ lâu đời của người Ve. Ngoài quan niệm thâm mĩ là tạo ra sự khác biệt với các con vật khác, còn bao hàm ý niệm về tôn giáo, với tín niệm khi chết, linh hồn (*mhođich*) mới được về với tổ tiên. Do đó đã là người phải khâu tai, cửa răng, ai chưa qua hai tục này thì chưa được phép lấy vợ lấy chồng, vì chưa phải là người, không thể về với tổ tiên khi chết đi.

Trai gái đã qua nghi lễ khâu tai và cửa răng được phép tự do tìm hiểu, kén chọn vợ chồng. Trước đây tìm hiểu chủ yếu ở nhà *âng*. Trong ngôi nhà *âng* được đặt ba cái bếp cách biệt nhau, một ở chính giữa, hai cái khác ở hai đầu phía tây và đông. Con trai khi còn nhỏ 8 - 10 tuổi đã ra ngủ ở nhà *âng* với các cụ ông góa bụa ở bếp phía tây, đến tuổi trưởng thành, sau khi đã trải qua nghi lễ thành đinh họ chuyển sang ngủ riêng ở bếp giữa. Con gái sau khi cửa răng mới được ra nhà *âng* ngủ ở bếp phía đông để tìm bạn trai. Tối tối trai gái Ve thường tụ tập tổ chức hát đối đáp, tâm sự với nhau.

Khi mọi người đi ngủ, chàng trai nào đã gây được thiện cảm của cô gái mới sang bếp con gái nằm cạnh người mình yêu để tâm sự, gần sáng lại về bếp của mình. Thời gian đầu họ mang cho nhau những đồ ăn ngon tự tay mình kiếm được, khi đã định kết hôn, họ mới tặng kỷ vật cho nhau để làm vật hứa hôn. Chàng trai thường tặng cô gái các đồ trang sức như: khuyên tai, vòng tay... Còn cô gái tặng lại các đồ dệt: khố (*clai*), tấm choàng (*tút*)... Nếu sau khi đã nhận quà tặng mà họ không lấy được nhau, phải trả lại những gì đã tặng cho nhau. Luật tục ngăn cấm yêu nhau có quan hệ luyến ái trước khi cưới. Người Ve quan niệm, đã lấy vợ, chồng là thông thạo các công việc do giới tính quy định để duy trì cuộc sống và chuẩn bị làm cha làm mẹ. Hiếm thấy trường hợp nghèo không lấy được vợ hoặc chồng, vì hôn nhân của họ không nặng về lễ vật thách cưới, cả hai bên gia đình cùng có trách nhiệm chung trong việc dựng vợ gả chồng cho con. Hôn nhân trước đây chủ yếu với người cùng làng, cùng tộc. Sau ngày giải phóng miền Nam đến nay đã xuất hiện các trường hợp hôn nhân với người khác tộc nhưng chưa phổ biến, theo số liệu điều tra ở thôn 56^b, xã Đak Pree vào tháng 3-1995 có 49 cặp vợ chồng, chỉ có 4 cặp là khác tộc (ba người Triêng bên Lào về làm dâu và một người Ca Dong ở Trà My đến ở rể⁴).

Giống như các tộc khác trong vùng, tiêu chuẩn chọn vợ của người Ve là phải nết na, thùy mị, chăm chỉ làm ăn, thông thạo các công việc do giới tính quy định, biết cư xử trong gia đình và xã hội. Người chồng phải nhanh nhẹn, khỏe mạnh, chịu khó làm ăn, biết tính toán trong cuộc sống vợ chồng, giỏi săn bắn, không ỉ lại vào gia đình, tôn trọng mọi người, quan hệ làng xóm tốt. Gia đình vợ hoặc chồng cần có quan hệ tốt với dân làng và cộng đồng, không vi phạm luật tục. Trong tình yêu cả trai lẫn gái đều có quyền chủ động bày tỏ trước, nhưng để thiết lập được quan hệ hôn nhân giữa hai gia đình, người con trai sẽ báo cho cha mẹ biết để chủ động tìm người mai mối. Nguyên vọng

của các con luôn được cha mẹ ủng hộ, ngoại trừ trường hợp loạn luân. Người làm mối (*Mal mngai*), không kể là đàn ông hay đàn bà, thường là người biết ăn nói, chín chắn thật thà, nếu là anh em càng tốt.

Trình tự hôn lễ của người Ve được tiến hành theo các bước giống như hầu hết các tộc người ở vùng Trường Sơn - Tây nguyên.

1. Lễ dạm hỏi (*moséc mngai*) được tiến hành vào một buổi trăng tròn. Cũng giống như nhiều dân tộc khác, người Ve tính lịch theo mặt trăng và xác định ngày tháng dựa vào hình dáng của mặt trăng. Một tháng luôn có 30 ngày, một năm có 12 tháng. Theo đồng bào thì trong một tháng những ngày tốt nhất để làm mọi việc lớn là ngày 16 (*nhơ ne*) và ngày 17 (*nhơ nang*). Riêng về hôn nhân theo quan niệm của người Ve, đây là những ngày trăng đôi, có hai nửa úp lại vào nhau, rất tốt cho việc kết hôn, vì đôi vợ chồng này sẽ không lẻ loi, đơn độc trong cuộc sống, họ sẽ ở với nhau trọn đời như hai mảnh trăng khếp lại thành hình tròn. Ngược lại, cũng ngày trăng tròn như ngày 14 (*chơ liết*), 15 (*hlôi*), đồng bào lại coi đây là những ngày xấu nhất trong tháng không nên làm việc lớn.

Trong lễ dạm hỏi, người làm mối đi một mình không mang theo lễ vật gì, và đến cầu thang nhà gái phải xin phép lên nhà. Sau khi uống nước, trò chuyện, người mối mới trao đổi về mục đích cuộc viếng thăm với chủ nhà. Trong buổi trò chuyện, cả khách lẫn chủ đều dùng cách nói hình tượng đối đáp với nhau để bày tỏ ý kiến của mình, hiếm khi họ nói trực tiếp vào vấn đề. Chẳng hạn, đầu tiên người mối nói: "Bên tôi thiếu giống ngô, định xin bên ông bà về trồng, gia đình có cho không?"

Nếu bố mẹ cô gái đã biết được ý định của người mối và đồng ý gả thì trả lời: "Gia đình tôi có giống ngô, như hạt không chắc, nếu các ông muốn trồng thì chúng tôi cho". Còn không đồng ý gả thì nói: "Giống ngô nhà tôi không có, nếu có cũng không trồng được bởi vì hư rồi, nên không thể cho, mong

các ông thông cảm". Trường hợp này chỉ xảy ra trong các trường hợp trai gái đã yêu nhau và đính ước, họ đã báo cho cha mẹ mình biết.

Nếu nhà gái chưa biết chuyện, hoặc trai gái chưa yêu nhau, thì người mối phải nói thẳng mục đích của nhà trai muốn cô gái và chàng trai thành vợ chồng. Nhà gái phải hỏi ý kiến con gái mình để quyết định theo ý kiến của cô.

Trường hợp nhà gái không đồng ý, người mối xin phép về báo cho nhà trai biết và hẹn sẽ quay lại. Người mối có quay lại nữa hay không là do yêu cầu của nhà trai, nhưng lòng tự trọng và luật tục không cho phép đi quá ba lần. Thời gian quay lại nhanh nhất là ba ngày, chậm nhất là một tháng.

Được nhà gái đồng ý, người mối về báo cho nhà trai biết để chuẩn bị lễ cưới. Thời gian chuẩn bị nhanh hay chậm phụ thuộc vào khả năng kinh tế của hai gia đình. Tục "lấy củi" là công việc rất quan trọng trong quá trình chuẩn bị đồ lễ vật cho hôn nhân. Từ sau lễ dạm hỏi, cô gái bắt đầu đi lấy củi tươi đem về nhà, để đến hôm cưới sẽ gửi sang nhà trai, ít nhất cũng phải 100 gùi. Bắt buộc phải là củi tươi vì đồng bào quan niệm, tươi tượng trưng cho sự sống, sinh sôi, do đó phải chọn củi tươi với đức tin đôi vợ chồng trẻ, gia đình nhà trai sẽ làm ăn phát đạt, hạnh phúc vững bền. Đây là phong tục lâu đời của người Ve, với ý nghĩa là quà tặng của cô dâu cho gia đình chồng, và như thể đám cưới mới đông vui, khác hẳn các lễ khác. Chuẩn bị xong, người mối sang báo lại và thống nhất với nhà gái về ngày cưới cho đôi trẻ.

2. Lễ cưới (*pecha*) cũng được chọn ngày trăng tròn và sẽ diễn ra hai ngày nếu hai nhà khác làng, một ngày nếu hai nhà cùng làng. Nhà gái sẽ đem đồ ăn, đồ lễ đến góp với nhà trai để cùng tổ chức đám cưới.

Lễ cưới hôm đầu tiên được tổ chức tại nhà trai với sự hiện diện của hai gia đình và dân làng. Buổi sáng ngày cưới, người mối sang mời nhà gái đến nhà trai dự đám cưới.

Nhà gái sẽ đến vào buổi chiều và tổ chức qua đêm. Đoàn đưa dâu nhà gái tới nhà trai theo thứ tự nam trước, nữ sau. Dẫn đầu là người mối, tiếp đến là bố, anh em trai của bố... cuối cùng là các cô gái gùi củi. Mỗi cô gùi một gùi và chỉ con gái bên nhà gái mới được gùi củi, vì quan niệm, đây là lễ vật của cô gái và tự cô làm, nhà trai không đòi hỏi. Đến nhà trai củi được xếp ở dưới gầm sàn, hôm sau sẽ chia cho mọi người: người mối được 10 gùi, các anh trai của bố chồng 30 gùi, các em trai 20 gùi, những chị em gái được 10 gùi, còn lại bao nhiêu bố mẹ để dùng.

Nhà gái đến tập trung ở đầu hồi nhà, chưa được lên nhà ngay. Nhà trai đã đặt sẵn một con heo ở trước cửa ra vào để dâng cho nhà gái giết thịt làm lễ cúng gia tiên hai họ. Bố cô dâu hoặc một người đàn ông trong thân quyến (nếu bố cô dâu đã chết) sẽ đích thân cắt tiết con heo làm vật hiến tế. Theo phong tục Ve, thịt con heo này chỉ được nấu mặn, không được chế biến thành các món khác, và sau khi cúng xong, chỉ nhà gái mới có quyền ăn thịt con heo đã hiến tế này. Họ giải thích rằng, trước đây tổ tiên hai gia đình có thù hận nhau mà không biết, bây giờ hãy bỏ hết hận thù để thiết lập quan hệ thông gia, đoàn kết giúp đỡ nhau làm ăn. Nhà gái chỉ được vào nhà trai sau khi đã tiến hành xong nghi lễ này, khi vào trong nhà cũng đi theo thứ tự như khi đi đưa dâu. Tại chân cầu thang nhà trai đặt sẵn một miếng sắt có bôi máu heo, hoặc một cái chậu thau đựng máu, để từng người phải nhúng chân làm phép lên đó, miệng thầm cầu khẩn cho gia đình hai bên cùng đoàn kết, làm ăn phát đạt, khỏe mạnh, sung túc... rồi mới bước chân vào nhà trai. Riêng người mối không phải làm các thủ tục này, vì đó là người do nhà trai phái đến. Nhà trai đón tiếp, bố trí chỗ ngồi cho nhà gái để hai bên thông gia ngồi cạnh nhau và trao đổi cùng nhau.

Bữa tiệc mừng đám cưới đã được chuẩn bị sẵn sàng, thức ăn trong lễ cưới đều được

bày trong các nia. Người Ve quan niệm rằng, đám cưới phải ăn trên nia, không làm vậy không phải là đám cưới. Người làm mối thay mặt gia đình chủ mời tất cả mọi người, trước khi ăn uống phải cùng nhúng tay vào một cái ống nước. Tục này người Ve gọi là "ném nước cơm nia" (*del dak par ha*).

Liên hoan xong, đại diện nhà trai - chủ làng, người làm chủ hôn tuyên bố lý do của lễ thành hôn và chúc cặp tân hôn sống hạnh phúc, làm ăn phát đạt, sinh con đẻ cái để cùng làng giữ đất, giữ làng. Tiếp đến, chủ làng mời đại diện hai gia đình phát biểu và hứa hẹn những điều tốt đẹp sẽ làm cho đôi trẻ và hai bên gia đình. Sau đó chú rể (*mngai clo ché*) và cô dâu (*con rê*) đứng trước toàn thể thân quyến hai gia đình và dân làng hứa sống với nhau trọn đời, đồng thời cảm ơn dân làng, hai bên bố mẹ anh em đã lo xây dựng cho mình. Tiếp đến chủ làng rót hai chén rượu đưa cho chú rể, cô dâu, hai người đối chén cho nhau uống cạn và cầm tay nhau, cùng lúc chủ làng căn dặn đôi tân hôn phải giữ gìn sự chung tình, không ai được phép chơi bời bữa bãi. Lễ cưới được tổ chức vui chơi, ăn uống qua đêm đến sáng.

Theo phong tục Ve trong đám cưới, nhà trai tùy điều kiện làm thịt trâu, bò, lợn, gà... để thết đãi mọi người. Những con vật từ heo trở lên, nhà trai giữ lại một đuôi sau, một ít thịt ở thân xếp vào cái gùi, cộng thêm một chén rượu to, ngon đưa cho người làm mối đem đến đặt trước mặt bố mẹ cô dâu làm quà biếu nhà gái. Chén rượu nhà gái mang về nhà, còn thịt sẽ chia đều cho những người cùng đi đưa dâu với mình, mỗi người ba miếng, những ai không đi được, nhà gái có trách nhiệm đem về tận nhà.

Tối ngày đầu tiên, khi lễ cưới đang tổ chức ở nhà trai, cô dâu nấu một nồi cơm nhỏ và chỉ hai vợ chồng ăn riêng với nhau. Bữa ăn này kiêng không ăn ớt, thịt nướng và người khác nhìn thấy (kể cả bố mẹ), vì đồng bào quan niệm, nếu ăn ớt, thịt nướng sẽ bị nóng, còn cào ruột gan, đôi vợ chồng sẽ không sống được với nhau, nếu có sống

cũng không hạnh phúc vì tính người dễ nóng giận. Nếu để người khác nhìn thấy, thần lúa (*ziang sibar*)¹ tức giận và sẽ làm cho ốm đau, con đẻ ra không sống được, mùa màng bị thất bát...

Ngày hôm sau, người mối lại mời nhà trai sang nhà gái dự lễ đám cưới. Cách tổ chức tương tự như ở nhà trai nhưng không cần tuyên bố lý do và hứa hẹn gì nữa. Liên hoan xong nhà gái sắp xếp các đồ dặt: tấm choàng, khố, váy (*Tiêu*)... vào gùi đưa cho người mối biếu nhà trai. Nhà trai sẽ căn cứ vào giá trị của số quà biếu này mà biếu lại nhà gái các đồ dùng như: chiêng, ché, nồi đồng... Số quà tặng này đôi vợ chồng trẻ không được sử dụng, bố mẹ của họ được hưởng, họ chỉ có quyền dùng những gì mà bố mẹ tặng riêng cho mình, chẳng hạn, bố mẹ vợ thường tặng con rể một tấm choàng, bố mẹ chồng tặng con dâu một cái váy đẹp.

Người làm mối được mỗi gia đình biếu một thủ heo, nhưng người này lại phải có trách nhiệm nấu một bữa cơm thết đãi những người đã gùi củi từ nhà trai đến cho mình. Còn bố mẹ chú rể phải nuôi những người đã gùi củi đi cho các anh chị em của mình một bữa. Trong đám cưới, chủ yếu phí tổn do hai gia đình tự chuẩn bị lo liệu, anh em gần gũi mới giúp thêm ít lương thực, thực phẩm, còn dân làng không phải giúp hoặc mừng gì cả.

Phong tục Ve qui định, sau lễ cưới đôi vợ chồng trẻ chưa được phép có con. Một năm sau, họ làm lễ cưới lại Lễ này đơn giản và chỉ làm trong một ngày. Trong buổi lễ, người chồng phải trao hết đồ trang sức của mình cho nhà vợ, vì quan niệm, khi người con trai lập gia đình, anh ta không cần đồ trang sức nữa, mà đã bước từ thanh niên (*hơ nih*) sang làm cha (*hơ bắp*), kể từ đây họ mới có quyền sinh con đẻ cái với nhau.

3. Tục lại mặt (*lu păm ốp*) được tiến hành ngay sau khi cưới ba đêm, kể từ ngày cưới bên nhà trai. Lễ tiến hành đơn giản, buổi sáng nhà gái sang nhà trai, buổi chiều nhà trai sang nhà gái, mỗi gia đình chỉ cần làm

thịt một con heo để mời anh em họ hàng và những dân làng có quan hệ thân thiết tới dự, cùng nhau ăn uống, trò chuyện. Mục đích chính của tục này là mong muốn cho đôi vợ chồng trẻ và hai bên gia đình hòa thuận, làm ăn thuận lợi, đời sống ít gặp khó khăn trở ngại. Sau đó cặp tân hôn sống với cha mẹ chàng trai. Người Ve chỉ đi ở rể trong các trường hợp: mồ côi, gia đình có nhiều khó khăn; nhà vợ neo đơn; hoặc họ chính thức yêu cầu anh ta đến ở rể. Tuy nhiên, luật tục quy định, dù ở đâu khi bố mẹ già yếu, hai người đều phải có trách nhiệm chăm lo phụng dưỡng, không được phân biệt đối xử bố mẹ vợ hay bố mẹ chồng.

Ở người Ve còn duy trì một số hình thức hôn nhân nguyên thủy, cụ thể là tàn dư của hôn nhân Sôrôrat và Levirát. Theo tục này, nếu anh chết em trai có thể lấy chị dâu, hoặc vợ chết có thể lấy em gái vợ, nhưng phải dựa trên cơ sở tự nguyện.

Luật tục Ve quy định các trường hợp cấm đoán trong hôn nhân và các hình phạt đối với các trường hợp vi phạm rất nghiêm ngặt. Trường hợp anh chồng lấy em dâu, hay lấy chị gái vợ bị luật tục ngăn cấm. Đồng thời cũng không cho phép hai gia đình có nhiều cặp con cái kết hôn cùng nhau, trong hai nhà chỉ được phép kết hôn cho một đôi con cái. Ở đây con trai cô lấy con gái cậu bị xếp vào tội loạn luân và làng phạt vạ rất nặng vì người Ve theo hệ thống "song hệ", tức là tính quan hệ thân thuộc cả hai phía cha và mẹ.

Nếu hai người có quan hệ thân thuộc gần gũi - quan hệ bên nội (bố) đang thuộc đời thứ tư và quan hệ bên ngoại (mẹ) đang thuộc đời thứ ba, mà lấy nhau, hoặc có quan hệ luyến ái, kể cả trai gái có quan hệ trước khi cưới bị dân làng phát hiện, hoặc vợ chồng sinh con trước khi đủ một năm kể từ ngày cưới... đều bị dân làng bắt phạt và đuổi ra rừng ở một năm, hoặc đẻ con xong (nếu có) mới được trở về làng. Nơi ở của những người vi phạm luật tục cách xa làng khoảng một giờ đi bộ. Họ sợ để những người này trong

làng thần linh sẽ nổi giận và trừng phạt dân làng. Khi trở về làng, họ phải làm một lễ cúng thần linh và xin lỗi dân làng. Lễ vật họ phải nộp hiến tế trong đó bắt buộc phải có một con trâu để lấy máu cúng các thần. Chủ làng là người chủ trì nghi lễ lấy máu con vật hiến tế vẩy xuống đất trong khu vực cư trú của làng, miệng khấn cầu thần đất (*ziang plên*) từ nay đừng làm lúa khô, người chết. Sau đó, ông đem máu con vật hiến sinh vào nhà *ang* bôi lên các cột và những bộ phận chính của ngôi nhà, miệng khấn cầu thần làng (*ziang robút*) đừng làm cho nhà cháy, làng hư hỏng, dịch bệnh, đời sống sung túc. Tiếp tục, các chủ nhà vè quệt máu con vật hiến tế lên các bộ phận chính của nhà mình để khấn cầu thần lúa - thần nhà (*ziang sibar*) đừng tức giận con người. Họ bắt buộc phải làm nghi lễ này vì quan niệm, nếu không có máu cúng tạ thần linh thì sẽ bị trừng phạt: hạn hán, dịch bệnh, cháy nhà sẽ xảy ra...

Người đã có vợ, có chồng mà ngoại tình sẽ bị dân làng chê cười, lên án bắt phải chấm dứt tội lỗi của mình. Gian phu còn phải nộp phạt cho người chồng bị cấm sừng một con trâu, một cái ché. Nếu anh ta không chịu từ bỏ, vợ anh ta sẽ bỏ và lấy hết tài sản cùng con cái. Người đàn bà ngoại tình phải nộp phạt cho vợ của kẻ dâm phu một số đồ vải: tấm choàng, váy... Còn người chồng bị cấm sừng có quyền đánh vợ mình và kẻ thông dâm, thậm chí đánh chết tình địch mà vẫn được dư luận ủng hộ và không bị kết tội.

Nếu đã có vợ mà ngoại tình với con gái chưa chồng, việc xét xử cũng tương tự như trên, nhưng cô gái có quan hệ bất chính không phải nộp phạt cho vợ kẻ thông dâm với mình. Ngược lại, nếu người con trai chưa vợ ngoại tình với người đã có chồng, thì phải nộp phạt cho người chồng bị cấm sừng một con trâu hoặc một cái ché.

Trường hợp hai người chưa vợ chưa chồng có quan hệ với nhau, dân làng buộc hai người phải lấy nhau làm vợ chồng.

Trong mọi trường hợp ngoại tình, tội phạm phải cúng tạ thần linh và khoản đãi dân làng một bữa, nếu chưa có thai. Nhưng nếu đã có chửa với nhau, ngoài bữa khoản đãi dân làng, còn phải làm thịt bò hoặc heo để làm lễ *le mngai* (cúng cho người). Họ giết con vật hiến sinh, lấy máu bôi lên trán tất cả mọi người trong làng, để cầu xin thần linh, ma quỷ chứng giám và đừng làm cho dân làng đói rách ốm đau. Sau đó họ bị đuổi ra rừng một năm, hoặc sinh con xong mới được về làng.

Trong xã hội truyền thống, hiện tượng đa thê, ngoại tình bị ngăn cấm và bị dư luận lên án là thiếu đạo đức, không chung thủy với người bạn đời của mình như đã hứa khi cưới. Đồng thời luật tục cũng không ủng hộ việc ly dị. Tuy nhiên, nếu người chồng kiên quyết ly dị thì anh ta phải trả lại toàn bộ phí tổn làm đám cưới cho nhà gái, và tùy theo phán xét của dân làng mà người vợ được hưởng một nửa hay toàn bộ số tài sản do hai người gây dựng nên. Nếu người vợ quyết ly dị, luật tục quy định người vợ phải tìm vợ khác cho chồng và tài sản chia đôi. Khi bố mẹ ly dị, theo tục lệ Ve, con trai theo bố, con gái theo mẹ. Tuy nhiên, nếu số lượng con cái theo giới tính quá chênh lệch thì chúng có quyền chọn ở với ai theo ý muốn của chúng.

Do điều kiện quy định mà trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp - Mỹ, nơi sinh sống của người Ve là vùng căn cứ địa cách mạng, do đó không chịu sự tác động của chủ nghĩa thực dân, mà chỉ chịu sự tác động của tư tưởng xã hội chủ nghĩa, nhất là từ sau năm 1975 trở lại đây sự tác động càng có điều kiện thuận lợi. Do sự tác động đó mà các tập tục truyền thống của người Ve nói chung, tập tục trong đám cưới nói riêng cũng có những biến đổi mạnh mẽ, mà xu hướng lấy người Kinh làm khuôn mẫu để biến đổi đang thịnh hành và phát triển. Sự biến đổi đó cũng đi theo hai xu hướng tích cực và tiêu cực. Cụ thể là bên cạnh các tập tục tốt đẹp như: lấy củi, các quy định cổ truyền để bảo

vệ hạnh phúc gia đình, bảo vệ chế độ hôn nhân một vợ một chồng vẫn được duy trì và được người dân tuân thủ. Bên cạnh đó các tập tục lạc hậu như: tục cửa răng, các tập tục liên quan đến thần linh, ma quỷ phải giết gia súc để hiến tế, cách xử phạt những người vi phạm luật tục như đuổi ra rừng để ở và sinh đẻ... đã bị xóa bỏ, hiện tại nó chỉ còn đọng lại trong trí nhớ và dấu ấn ở các cụ già từ 50 tuổi trở lên. Tuy nhiên trong đám cưới đã xuất hiện quan niệm, phải tổ chức linh đình, tốn kém mới vui, chẳng hạn đám cưới phải mổ trâu, bò và tổ chức kéo dài từ 2 đến 3 ngày, phải tổ chức ở cả nhà trai và nhà gái cho dù hai nhà ở sát cạnh nhau. Đặc biệt vấn đề thách cưới nặng nề về lễ vật của nhà gái đã thịnh hành trong đám cưới người Ve. Ngoài đồ lễ nhà trai phải biếu lại nhà gái, trước lúc cưới, nhà trai còn phải đưa sang nhà gái một số lễ vật tùy theo sự đòi hỏi của nhà gái, lễ vật đó thường là ché, chiêng và giống vật nuôi: trâu, bò, heo... để làm đồ dẫn cưới. Đây có thể là họ mới tiếp thu ở người Cơ-tu - dân tộc láng giềng của họ. Vấn đề đặt ra ở đây là làm sao để đồng bào hiểu được cái gì là truyền thống tốt đẹp của dân tộc cần phải phát huy gìn giữ, cái gì là lạc hậu cần loại bỏ khỏi đời sống xã hội. Du nhập những yếu tố văn hóa mới để phát triển và biến đổi là điều tất yếu, hợp quy luật, nhưng chỉ nên tiếp nhận những yếu tố văn hóa cần, lành mạnh và phù hợp để xây dựng và phát triển một nền văn hóa đa dạng, nhưng lại mang đậm bản sắc truyền thống tốt đẹp của dân tộc mình.

1. Theo số liệu điều tra, điền dã của tác giả năm 1994.
2. Danh mục các dân tộc ở Việt Nam "Dân số Việt Nam 1-10-1979". Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số TW, Hà nội, 1983.
3. Phạm Quang Hoan: "Góp phần tìm hiểu người Ve ở Giảng. Tạp chí Dân tộc học số 3 năm 1978 (tr. 55-67).
4. Số liệu điều tra của tác giả tại thôn 56 xã Đak Pree vào tháng 3 năm 1995.